

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2022/DS-ST
Ngày: 27-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hoàng Liễu;
2. Bà Phan Thị Dòn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Trụ sở: 89 Láng Hạ, phường K, quận V, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm: 1968 – Chủ tịch hội đồng quản trị (vắng mặt).

Ông Ngô Chí D ủy quyền cho: Ông Đỗ Thành T – Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý (vắng mặt);

Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho: Bà Quan Thị Cẩm N, sinh năm: 1989 (vắng mặt – có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 1, 96 Cao Thắng, Phường V, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền lập ngày 17/5/2021)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: D14/18E ấp 4, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn có bà Quan Thị Cẩm N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kiều T có vay vốn của Ngân hàng TMCP P (VPBank) – Chi nhánh Lê Văn Việt theo Hợp đồng cho vay số: LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017, khế ước nhận nợ lần 01 số: LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 16/08/2017 chi tiết như sau:

a. Hợp đồng tín dụng số: LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017.

- Số tiền vay: 511.000.000 đồng (Năm trăm mười một triệu đồng).
- Thời hạn vay: 83 tháng từ ngày 16/08/2017 đến ngày 16/07/2024.
- Mục đích vay: Vay mua xe SUZUKI, mới 100%
- Lãi suất thời điểm cho vay: 11.4%/năm, lãi suất thả nổi.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Chiếc xe ô tô, nhãn hiệu SUZUKI; số loại ERTIGA; số khung MHYKZE81SJJ300125, số máy K14BT1240833 mang biển số 51G-471.60 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 298039 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/08/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều T. Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực đăng ký lúc 15 giờ 30 phút ngày 15/08/2017, số đăng ký: 1258815158, tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Tp. Hồ Chí Minh.

b. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 17/08/2017.

- Số tiền vay: 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng).
- Thời hạn vay: 36 tháng từ ngày 16/08/2017 đến ngày 16/07/2024
- Mục đích vay: tiêu dùng cá nhân
- Lãi suất: thả nổi

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Kiều T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 16/10/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 27/06/2022, bà Trong còn nợ VPBank số tiền chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số: LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017.

Nợ gốc : 333.318.645 đồng;

Nợ lãi : 195.526.880 đồng;

Tổng cộng: 528.845.525 đồng.

(Bằng chữ: năm trăm hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký

ngày 17/08/2017.

Nợ gốc: 19.637.660 đồng;

Nợ lãi: 15.356.492 đồng;

Tổng cộng: 34.994.152 đồng.

(Bằng chữ: ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn một trăm năm mươi hai đồng).

Số tiền bà Trọng đã thanh toán tính đến ngày 27/06/2022, chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số: LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017:

Nợ gốc: 177.681.355 đồng;

Nợ lãi: 116.418.613 đồng;

Tổng : 294.099.968 đồng.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 17/08/2017.

Nợ gốc: 33.362.340 đồng;

Nợ lãi: 15.796.423 đồng;

Tổng: 49.158.763 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP P đề nghị Tòa án Nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh buộc:

a. Bà Nguyễn Thị Kiều T phải thanh toán ngay cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan Hợp đồng tín dụng số: LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017; tạm tính đến ngày 27/06/2022 là:

Nợ gốc: 333.318.645 đồng;

Nợ lãi: 190.631.263 đồng;

Tổng cộng: 528.845.525 đồng.

(Bằng chữ: năm trăm hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

b. Trường hợp, bà Nguyễn Thị Kiều T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho VPBank, tài sản là: Chiếc xe ô tô, nhãn hiệu SUZUKI; số loại ERTIGA; số khung MHYKZE81SJJ300125, số máy K14BT1240833 mang biển số 51G-471.60 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 298039 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/08/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều T.

c. Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì bà

Trong tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P cho đến khi thanh toán dứt nợ.

d. Bà Nguyễn Thị Kiều T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP P toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 17/08/2017, tạm tính đến ngày 27/06/2022 là:

Nợ gốc: 19.637.660 đồng;

Nợ lãi: 15.356.492 đồng;

Tổng: 34.994.152 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kiều T tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 28/06/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T vắng mặt không thể hiện ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Ngân hàng TMCP P khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị Kiều T. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh xác định “Đương sự Nguyễn Thị Kiều T hiện đang cư ngụ tại D14/18E ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh” nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T mặc dù

được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các văn bản pháp luật này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Kiều T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với nguyên đơn nhưng bà Trong không đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy, bà Trong đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.2]. Căn cứ Hợp đồng cho vay số: LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017; Khế ước nhận nợ lần 01 số: LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 16/08/2017; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1708070142962/LVV/HDTCSPT ngày 15/8/2017; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 17/08/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Kiều T có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 02 (hai) khoản vay gồm:

[4.3]. Khoản vay thứ nhất: Số tiền 511.000.000 đồng (năm trăm mười một triệu đồng), thời hạn vay: 83 tháng từ ngày 16/08/2017 đến ngày 16/07/2024, mục đích vay: Vay mua xe SUZUKI, mới 100%, lãi suất thời điểm cho vay: 11.4%/năm, lãi suất thả nổi. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Chiếc xe ô tô, nhãn hiệu SUZUKI; số loại ERTIGA; số khung MHYKZE81SJJ300125, số máy K14BT1240833 mang biển số 51G-471.60 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 298039 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/08/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều T. Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, có hiệu lực đăng ký lúc 15 giờ 30 phút ngày 15/08/2017, số đăng ký: 1258815158, tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố Hồ Chí Minh.

[4.4]. Khoản vay thứ hai: Số tiền 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng), thời hạn vay: 36 tháng từ ngày 16/08/2017 đến ngày 16/07/2024, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, lãi suất: thả nổi. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

[4.5]. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 27/6/2022 bà Trong đã thanh toán cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017: số tiền 294.099.968 đồng, trong đó nợ gốc là 177.681.355 đồng và nợ lãi là 116.418.613 đồng. Đối với khoản vay theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 17/08/2017 thì bà Trong đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền 49.158.763 đồng, trong đó nợ gốc là 33.362.340 đồng và nợ lãi là 15.796.423 đồng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP P yêu cầu bà Trong phải thanh toán ngay cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017, tạm tính đến ngày 27/06/2022 là nợ gốc: 333.318.645 đồng, nợ lãi: 190.631.263 đồng, tổng cộng: 528.845.525 đồng (năm trăm hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng); yêu cầu Nguyễn Thị Kiều T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP P toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 17/08/2017, tạm tính đến ngày 27/06/2022 với số tiền nợ gốc: 19.637.660 đồng, nợ lãi: 15.356.492 đồng, tổng cộng: 34.994.152 đồng. Bà Nguyễn Thị Kiều T tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 28/06/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4.6]. Xét yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm của nguyên đơn: Nếu đến hạn, bà Trong không thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp Chiếc xe ô tô, nhãn hiệu SUZUKI; số loại ERTIGA; số khung MHYKZE81SJJ300125, số máy K14BT1240833 mang biển số 51G-471.60 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 298039 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/08/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều T. Các bên đã thực hiện đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm và được cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/8/2017 để thu hồi toàn bộ nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy theo giấy chứng nhận đăng ký thế chấp thì bà Trong đã dùng chiếc xe ô tô do bà Trong làm chủ sở hữu để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo khoản nợ vay của hợp đồng cho vay nêu trên. Việc đăng ký bảo đảm được thực hiện theo quy định tại các Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ quy định tại Điều 317,

Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 327 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi xe ô tô trên để thu hồi nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong trường hợp bà Trong trả hết khoản nợ vay theo hợp đồng cho vay đã ký với Ngân hàng thì Ngân hàng trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 298039 số khung MHYKZE81SJJ300125, số máy K14BT1240833 mang biển số 51G-471.60 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/08/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều T.

[4.7]. Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 323 và Điều 327 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T:

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến ngày 27/6/2022 theo Hợp đồng tín dụng số LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017 là 528.845.525 đồng (năm trăm hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 333.318.645 đồng, nợ lãi là 190.631.263 đồng.

1.2. Kể từ ngày 28/6/2022, bà Nguyễn Thị Kiều T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP P thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Kiều T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP P theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP P.

1.3. Ngay sau khi bà Nguyễn Thị Kiều T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LN1708070142962/LVV/HDTD ký ngày 15/08/2017 thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng thực hiện thủ tục xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kiều T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 298039 số khung MHYKZE81SJJ300125, số máy K14BT1240833 mang biển số 51G-471.60 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/08/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều T.

1.4. Đến hạn trả nợ mà bà Nguyễn Thị Kiều T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là xe ô tô, nhãn hiệu SUZUKI; số loại ERTIGA; số khung MHYKZE81SJJ300125, số máy K14BT1240833 mang biển số 51G-471.60 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 298039 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/08/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều T để thu hồi nợ. Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì bà Trong tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P cho đến khi thanh toán dứt nợ.

1.5. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến ngày 27/6/2022 theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 17/08/2017, với tổng số tiền 34.994.152 đồng (ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn một trăm năm mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 19.637.660 đồng, nợ lãi là 15.356.492 đồng.

1.6. Kể từ ngày 28/6/2022, bà Nguyễn Thị Kiều T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 17/08/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ

Ngân hàng điện tử ký ngày 17/08/2017 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP P thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Kiều T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP P theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP P.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kiều T chịu 26.553.587 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng).

2.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.731.355 đồng (mười một triệu bảy trăm ba mươi một nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0040104 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự; (2)
- TAND TP.HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- Lưu: VT, hồ sơ. (1)



Nguyễn Tấn Việt